

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHỤC VỤ KIỂM TRA
TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC MỚI - LUẬT QLT**
(Toàn bộ các nội dung liên quan đến Quản lý thuế)

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ - CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ THUẾ

Câu 1: Cơ quan thuế uỷ nhiệm cho tổ chức cá nhân thực hiện thu một số khoản thuế thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế:

- a. Thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.
- b. Thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân.
- c. Thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế đối với hộ kinh doanh nộp theo phương pháp khoán, thuế nhà đất.
- d. Thuế nhà đất, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Câu 2: Trong hình thức uỷ nhiệm thu thuế, bên gửi thông báo cho người nộp thuế là:

- a. Cơ quan thuế.
- b. Bên được uỷ nhiệm thu.
- c. Kho bạc nhà nước.
- d. Ngân hàng Thương mại.

Câu 3: Trong hình thức uỷ nhiệm thu thuế, thời hạn để bên được uỷ nhiệm thu gửi thông báo cho người nộp thuế là:

- a. 3 ngày trước thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo thuế.
- b. Ít nhất là 03 ngày trước ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo thuế.
- c. 5 ngày trước thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo thuế.
- d. Ít nhất là 5 ngày trước ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo thuế.

Câu 4: Trong hình thức uỷ nhiệm thu thuế, thời gian để bên được uỷ nhiệm thu thuế phải nộp tiền thuế thu được lớn hơn 10 triệu đồng vào kho bạc nhà nước đối với địa bàn thu thuế không phải là các xã vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn là:

- a. Nộp ngay vào NSNN.
- b. 1 ngày kể từ ngày thu tiền.
- c. 3 ngày kể từ ngày thu tiền.
- d. 5 ngày kể từ ngày thu tiền.

Câu 5. Điều kiện hành nghề của tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế:

- a. Có ngành, nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- b. Có ngành, nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có ít nhất một nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.
- c. Có ngành, nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có ít nhất 2 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.
- d. Có ngành, nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có ít nhất 5 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Câu 6. Một trong những điều kiện để đăng ký nhân viên đại lý thuế là:

- a. Là công dân Việt Nam.
- b. Là công dân nước ngoài.
- c. Là công dân Việt Nam và công dân nước ngoài.
- d. Là công dân Việt Nam và công dân nước ngoài được phép sinh sống tại Việt Nam trong thời hạn từ một năm trở lên (kể từ thời điểm đăng ký hành nghề).

Câu 7. Người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong cùng một thời gian được đăng ký làm nhân viên tại:

- a. Một đại lý thuế.
- b. Hai đại lý thuế.
- c. Ba đại lý thuế.
- d. Không giới hạn số lượng đại lý thuế.

Câu 8. Một trong những điều kiện dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế là người dự thi:

- a. Có bằng cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật.

- b. Có bằng đại học trở lên.
- c. Có bằng cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật và đã có thời gian làm việc từ hai năm trở lên trong lĩnh vực này.
- d. Có bằng cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật và đã có thời gian làm việc từ năm năm trở lên trong lĩnh vực này.

Câu 9: Đối tượng áp dụng của Luật Quản lý thuế:

- a. Người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế.
- b. Người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế.
- c. Người nộp thuế, công chức quản lý thuế, các tổ chức, cá nhân khác.
- d. Người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, cơ quan nhà nước tổ chức cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế.

Câu 10: Trong hình thức uỷ nhiệm thu thuế, thời hạn để bên được uỷ nhiệm thu phải lập báo cáo số đã thu, số đã nộp của tháng trước gửi cơ quan thuế là:

- a. Chậm nhất ngày 5 của tháng sau.
- b. Chậm nhất ngày 20 của tháng sau.
- c. Chậm nhất là năm ngày kể từ tháng tiếp theo.
- d. Chậm nhất là năm ngày làm việc kể từ tháng tiếp theo.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ : BỘ CÂU HỎI 1

Câu 1: Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế chưa đầy đủ, cơ quan thuế phải thông báo cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ:

- a. 07 ngày làm việc.
- b. 05 ngày làm việc.
- c. 03 ngày làm việc.

Câu 2. Hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế tạm nghỉ kinh doanh bao gồm:

- a. Tờ khai thuế và tài liệu có liên quan đến việc xác định số thuế được miễn, số thuế được giảm.

b. Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế, trong đó nêu rõ loại thuế đề nghị miễn, giảm; lý do miễn thuế, giảm thuế; số tiền thuế được miễn, giảm.

c. Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, trong đó nêu rõ số thuế phải nộp, số thuế đề nghị được miễn, giảm; số thuế đã nộp (nếu có); số thuế còn phải nộp; lý do đề nghị được miễn, giảm thuế và danh mục tài liệu gửi kèm.

Câu 3. Sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong trường hợp:

a. Ngay sau khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn.

b. Sau khi cơ quan thuế có quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

c. Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Câu 4: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng chậm nhất là ngày thứ bao nhiêu của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế:

a. Ngày thứ mười.

b. Ngày thứ mười lăm.

c. Ngày thứ hai mươi.

Câu 5: Hồ sơ khai thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền sử dụng đất được nộp tại:

a. Chi cục thuế địa phương nơi phát sinh các loại thuế này.

b. Cục thuế địa phương nơi phát sinh các loại thuế này .

c. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Câu 6: Trường hợp nào sau đây người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế:

a. Người nộp thuế không kê khai và nộp hồ sơ khai thuế theo đúng thời hạn quy định.

b. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế.

c. Người nộp thuế không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ.

Câu 7: Thời điểm nào sau đây được xác định là ngày người nộp thuế đã nộp tiền thuế vào NSNN:

a. Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước trong trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản, xác nhận trên chứng từ nộp thuế bằng điện tử trong trường hợp thực hiện nộp thuế bằng giao dịch điện tử.

b. Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế hoặc tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế xác nhận việc thu tiền trên chứng từ thu thuế bằng chuyển khoản.

c. Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước trong trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt.

Câu 8: Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt thì việc thanh toán được thực hiện theo trình tự nào sau đây:

a. Tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền thuế phạt.

b. Tiền thuế phát sinh, tiền thuế phạt, tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu.

c. Tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền thuế phạt, tiền thuế nợ.

Câu 9: Người nộp thuế được gia hạn nộp thuế, nộp phạt đối với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ nếu không có khả năng nộp thuế đúng hạn trong trường hợp:

a. Di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà phải ngừng hoạt động hoặc giảm sản xuất, kinh doanh, tăng chi phí đầu tư ở nơi sản xuất kinh doanh mới.

b. Trường hợp kiểm tra thuế, thanh tra thuế có căn cứ chứng minh người nộp thuế hạch toán kế toán không đúng quy định, số liệu trên sổ kế toán không đầy đủ, không chính xác, không trung thực dẫn đến không xác định đúng các yếu tố làm căn cứ tính số thuế phải nộp.

c. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có tạm nghỉ kinh doanh.

Câu 10: Trường hợp nào sau đây người nộp thuế không được gia hạn nộp thuế, nộp phạt đối với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ:

a. Người nộp thuế không kê khai và nộp thuế đúng thời hạn quy định.

b. Người nộp thuế bị thiên tai hoả hoạn, tai nạn bất ngờ làm thiệt hại vật chất và không có khả năng nộp thuế đúng hạn.

c. Do chính sách của nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế.

Câu 11: Trường hợp nào sau đây người nộp thuế được xoá nợ tiền thuế, tiền phạt :

a. Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản (không bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh bị tuyên bố phá sản) đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt.

b. Doanh nghiệp kinh doanh bị lỗ liên tục 3 năm trở lên không có khả năng thực hiện các khoản thanh toán tiền thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

c. Doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục để được toàn án tuyên bố phá sản và không có khả năng thực hiện các khoản thanh toán tiền thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

Câu 12: Bà H mở một cửa hàng bán điện thoại di động, không thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn chứng từ sổ sách. Trường hợp của Bà H phải nộp thuế theo phương pháp:

a. Phương pháp kê khai trực tiếp.

b. Phương pháp kê khai khấu trừ.

c. Phương pháp khoán thuế.

Câu 13: Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ:

a. Mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

b. Mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c. Ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Câu 14: Cơ quan thuế quản lý trực tiếp lập hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền phạt gửi đến cơ quan thuế cấp trên theo trình tự:

a. Chi cục thuế gửi cho Cục thuế hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục thuế; Cục Thuế gửi cho Tổng cục Thuế hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế và hồ sơ do Chi cục Thuế chuyển đến.

b. Chi cục thuế gửi cho Tổng cục thuế hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục thuế; Cục Thuế gửi cho Tổng cục Thuế hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế.

c. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp xử lý hồ sơ xoá nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của mình.

Câu 15: Thời hạn chậm nhất để giải quyết hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau kể từ ngày cơ quan thuế nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế là:

- a. 10 ngày
- b. 15 ngày
- c. 20 ngày

Câu 16: Người nộp thuế nộp Hồ sơ hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần tại:

a. Chi cục Thuế quản lý địa bàn nơi tổ chức có trụ sở điều hành, nơi cá nhân có cơ sở thường trú hoặc tại Chi cục Thuế nơi tổ chức, cá nhân đã nộp số thuế đề nghị hoàn.

b. Cục thuế quản lý địa bàn nơi tổ chức có trụ sở điều hành, nơi cá nhân có cơ sở thường trú hoặc Cục Thuế nơi tổ chức, cá nhân đã nộp số thuế đề nghị hoàn.

c. Tổng cục thuế.

Câu 17: Trường hợp nào sau đây cơ quan thuế trực tiếp kiểm tra hồ sơ ra quyết định miễn thuế, giảm thuế:

a. Người nộp thuế hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, thực hiện thi công các công trình sử dụng nguồn vốn NSNN đã có trong dự toán ngân sách được giao nhưng chưa được ngân sách nhà nước thanh toán nên không có nguồn để nộp thuế.

b. Di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà ngừng hoạt động hoặc giảm sản xuất, kinh doanh, tăng chi phí ở nơi sản xuất, kinh doanh mới.

c. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có tạm nghỉ kinh doanh.

Câu 18: Tiền thuế, tiền phạt được coi là nộp thừa trong trường hợp:

- a. Người nộp thuế có số tiền thuế được hoàn theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, phí xăng dầu.
- b. Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền phạt đã nộp nhỏ hơn số tiền thuế, tiền phạt phải nộp đối với từng loại thuế.
- c. Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền phạt đã nộp nhỏ hơn số tiền thuế phải nộp theo quyết toán thuế.

Câu 19 : Trường hợp hồ sơ xóa nợ tiền thuế, tiền phạt do cơ quan thuế cấp dưới lập chưa đầy đủ thì trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế cấp trên phải thông báo cho cơ quan đã lập hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ:

- a. 5 ngày làm việc.
- b. 10 ngày làm việc.
- c. 15 ngày làm việc.

Câu 20 : Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn khác với số thuế đề nghị hoàn thì xử lý:

- a. Nếu số thuế đề nghị hoàn lớn hơn số thuế đủ điều kiện được hoàn thì người nộp thuế được hoàn bằng số thuế đủ điều kiện được hoàn.
- b. Nếu số thuế đề nghị hoàn nhỏ hơn số thuế đủ điều kiện được hoàn thì người nộp thuế được hoàn lớn hơn số thuế đề nghị hoàn.
- c. Nếu số thuế đề nghị hoàn lớn hơn số thuế đủ điều kiện được hoàn thì người nộp thuế được hoàn bằng số thuế đề nghị hoàn.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ : BỘ CÂU HỎI 2

ĐĂNG KÝ THUẾ

Câu 1: Tổ chức, cá nhân nào dưới đây phải đăng ký thuế?

- a. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN
- b. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay
- c. Tổ chức, cá nhân khác theo qui định của pháp luật về thuế
- d. Tất cả các đáp án trên

Câu 2: Cá nhân đăng ký thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế tại đâu?

- a. Nơi phát sinh thu nhập chịu thuế

- b. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
- c. Nơi tạm trú
- d. Cả 3 đáp án nêu trên

Câu 3: Khi nào tổ chức, cá nhân thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế?

- a. Tổ chức, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động
- b. Cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự theo qui định của pháp luật.
- c. Cả hai đáp án nêu trên

KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ

Câu 4: Đối với loại thuế khai theo tháng, quý hoặc năm, nếu trong kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc NNT đang thuộc diện được hưởng ưu đãi, miễn giảm thuế thì NNT có phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế không?

- a. Không phải nộp
- b. Có phải nộp
- c. Chỉ nộp khi có thông báo của cơ quan thuế

Câu 5: Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhầm lẫn ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung trong các trường hợp nào?

- a. Sau khi cơ quan thuế có quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.
- b. Trước khi cơ quan thuế có quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.
- c. Trong khi cơ quan thuế đang thực hiện kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế.

Câu 6: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ bao nhiêu của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với loại thuế khai và nộp theo tháng?

- a. 10 ngày
- b. 15 ngày
- c. 20 ngày

Câu 7: Hồ sơ khai thuế đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp gồm những gì?

- a. Tờ khai quyết toán thuế
- b. Báo cáo tài chính đến thời điểm chấm dứt hoạt động
- c. Tài liệu khác liên quan đến quyết toán thuế

d. Tất cả đáp án trên

Câu 8: Công chức quản lý thuế có thể tiếp nhận hồ sơ khai thuế của người nộp thuế bằng các hình thức nào?

- a. Trực tiếp tại cơ quan thuế
- b. Gửi qua đường bưu chính
- c. Thông qua giao dịch điện tử
- d. Tất cả đáp án trên

Câu 9: Khi nào NNT được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế?

- a. Do thiên tai
- b. Do hoả hoạn
- c. Tai nạn bất ngờ
- d. Cả 3 đáp án trên

Câu 10: Kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế, trong vòng bao nhiêu ngày làm việc cơ quan thuế phải trả lời bằng văn bản cho NNT về việc chấp nhận hay không chấp nhận?

- a. 5 ngày
- b. 10 ngày
- c. 15 ngày

ẤN ĐỊNH THUẾ

Câu 11: Nguyên tắc ấn định thuế gồm:

- a. Việc ấn định thuế phải bảo đảm khách quan, công bằng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thuế.
- b. Cơ quan quản lý thuế ấn định số thuế phải nộp hoặc ấn định từng yếu tố liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp.
- c. Câu a và b.

Câu 12: Căn cứ ấn định thuế bao gồm:

- a. Cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế;
- b. So sánh số thuế phải nộp của cơ sở kinh doanh cùng mặt hàng, ngành nghề, quy mô;
- c. Tài liệu và kết quả kiểm tra, thanh tra còn hiệu lực.
- d. Tất cả các phương án nêu trên.

Câu 13: Người nộp thuế nộp thuế theo phương pháp kê khai bị ấn định thuế trong trường hợp nào sau đây:

- a. Không đăng ký thuế;

- b. Không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau mười ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế;
- c. Không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc khai thuế không chính xác, trung thực, đầy đủ về căn cứ tính thuế;
- d. Tất cả các phương án nêu trên.

Câu 14: Cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp theo phương pháp khoán thuế trong trường hợp nào sau đây:

- a. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ;
- b. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế.
- c. Câu a và b

Câu 15: Người nộp thuế nộp thuế theo phương pháp kê khai bị ấn định thuế trong trường hợp nào sau đây:

- a. Không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế; Không xuất trình sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp trong thời hạn quy định;
- b. Mua, bán, trao đổi và hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường;
- c. Có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế.
- d. Tất cả các phương án nêu trên.

CHƯƠNG V - NỘP THUẾ

Câu 16: Trường hợp người nộp thuế tự tính thuế, thời hạn nộp thuế là ngày:

- a. 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế;
- b. 20 hàng tháng;
- c. 30 quý tiếp theo;
- d. Chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Câu 17: Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước tại đâu?

- a. Tại Kho bạc Nhà nước;
- b. Tại cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế; thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế uỷ nhiệm thu thuế;

c. Tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.

d. Tất cả các phương án nêu trên.

Câu 18: Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt thì việc thanh toán được thực hiện theo trình tự nào sau đây:

a. Tiền thuế phát sinh, tiền thuế truy thu, tiền thuế nợ, tiền phạt

b. Tiền thuế truy thu, tiền thuế nợ, tiền thuế phát sinh, tiền phạt

c. Tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt

d. Tiền phạt, tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh

Câu 19: Ngày đã nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp thuế bằng chuyển khoản được xác định là ngày:

a. Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác hoặc tổ chức dịch vụ xác nhận trên chứng từ nộp thuế;

b. Kho bạc Nhà nước, hoặc tổ chức được cơ quan quản lý thuế uỷ nhiệm thu thuế cấp chứng từ thu tiền thuế;

c. Cơ quan quản lý thuế cấp chứng từ thu tiền thuế;

d. Tất cả các phương án nêu trên.

Câu 20: Người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan thuế giải quyết số tiền thuế đã nộp thừa bằng cách nào?

a. Bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, kể cả bù trừ giữa các loại thuế với nhau;

b. Trừ vào số tiền thuế phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo.;

c. Hoàn trả số tiền thuế nộp thừa;

d. Câu b và c.

THỦ TỤC HOÀN THUẾ

Câu 21: Cơ quan quản lý thuế thực hiện hoàn thuế đối với trường hợp:

a. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

b. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện được hoàn thuế môn bài theo quy định của Luật thuế môn bài.

c. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện được hoàn thuế sử dụng đất theo quy định của Luật thuế sử dụng đất.

d. Câu a và b.

Câu 22: Hồ sơ hoàn thuế nói chung bao gồm các tài liệu nào sau đây?

- a. Văn bản yêu cầu hoàn thuế
- b. Chứng từ nộp thuế
- c. Các tài liệu khác liên quan đến yêu cầu hoàn thuế
- d. Cả 3 phương án trên

Câu 23: Đối với các trường hợp hồ sơ hoàn thuế chưa đầy đủ theo quy định, thì cơ quan quản lý thuế phải thông báo cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ):

- a. 3 ngày
- b. 3 ngày làm việc
- c. 5 ngày
- d. 5 ngày làm việc

Câu 24: Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau cho người nộp thuế là:

- a. 15 ngày
- b. 15 ngày làm việc
- c. 60 ngày
- d. 60 ngày làm việc

Câu 25: Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế quá thời hạn quy định ?

- a. Trả lãi theo quy định của Chính phủ
- b. Trả lãi theo quy định của Bộ Tài chính
- c. Trả lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- d. Không phải trả lãi

THỦ TỤC MIỄN, GIẢM THUẾ

Câu 26: Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với hàng hoá xuất khẩu do cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết:

- a. Cơ quan thuế trực tiếp quản lý.
- b. Cơ quan Hải quan.
- c. Cơ quan Tài chính.
- d. Ủy ban nhân dân nơi người nộp thuế có hộ khẩu thường trú.

Câu 27: Hồ sơ miễn, giảm thuế đối với trường hợp người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn thuế, giảm thuế bao gồm:

a. Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế trong đó nêu rõ loại thuế đề nghị miễn, giảm; lý do miễn thuế, giảm thuế; số tiền thuế được miễn, giảm; Tài liệu liên quan đến việc xác định số thuế được miễn, số thuế được giảm.

b. Tờ khai thuế; Tài liệu liên quan đến việc xác định số thuế được miễn, số thuế được giảm.

c. Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế trong đó nêu rõ loại thuế đề nghị miễn, giảm; lý do miễn thuế, giảm thuế; số tiền thuế được miễn, giảm; Tờ khai thuế; Tài liệu liên quan đến việc xác định số thuế được miễn, số thuế được giảm.

d. Không phải nộp hồ sơ.

Câu 28: Đối với trường hợp người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn thuế, giảm thuế, việc nộp và tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế được thực hiện như sau:

a. Thực hiện đồng thời với việc khai hồ sơ khai thuế

b. Thực hiện đồng thời với việc nộp hồ sơ khai thuế

c. Thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế.

d. Tất cả các phương án nêu trên

Câu 29: Hình thức tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế là:

a. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế.

b. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế được nộp bằng đường bưu chính.

c. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế được nộp bằng giao dịch điện tử.

d. Tất cả các phương án nêu trên.

Câu 30: Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế không phải qua kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế là:

a. 15 ngày.

b. 30 ngày.

c. 45 ngày

d. 60 ngày.

III. KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ: BỘ CÂU HỎI 1

Câu 1. Theo quy định hiện hành việc kiểm tra thuế được thực hiện tại:

a. Trụ sở cơ quan thuế.

- b. Trụ sở người nộp thuế.
- c. Trụ sở cơ quan thuế và trụ sở người nộp thuế.

Câu 2. Trường hợp nào sau đây cơ quan thuế tiến hành thanh tra thuế đối với người nộp thuế:

- a. Doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng.
- b. Khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế.
- c. Để giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- d. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 3. Trường hợp đoàn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế không có Quyết định kiểm tra thuế thì:

- a. Người nộp thuế có quyền từ chối việc kiểm tra.
- b. Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra thuế bình thường.
- c. Đoàn kiểm tra lập biên bản xử lý hành chính người nộp thuế và thực hiện kiểm tra thuế bình thường.

Câu 4. Anh (Chị) cho biết trường hợp người nộp thuế không ký Biên bản thanh tra thì chậm nhất trong thời hạn bao lâu kể từ ngày công bố công khai Biên bản thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo Lãnh đạo bộ phận thanh tra trình người ban hành Quyết định thanh tra để ban hành thông báo yêu cầu người nộp thuế ký Biên bản thanh tra.

- a. 3 ngày làm việc
- b. 5 ngày làm việc
- c. 10 ngày làm việc
- d. 15 ngày làm việc

Câu 5. Trường hợp qua kiểm tra thuế nếu phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu trốn thuế, gian lận về thuế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra có trách nhiệm:

- a. Báo cáo thủ trưởng cơ quan thuế để ban hành quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế.
- b. Báo cáo thủ trưởng cơ quan thuế để ban hành quyết định ấn định thuế.
- c. Báo cáo thủ trưởng cơ quan thuế để ban hành quyết định xử lý sau kiểm tra, hoặc chuyển hồ sơ sang bộ phận thanh tra.

Câu 6 : Trong quá trình thanh tra thuế, nếu đối tượng thanh tra có biểu hiện tẩu tán, tiêu hủy tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận

thuế thì thanh tra viên thuế đang thi hành nhiệm vụ:

a. Được quyền tạm giữ tài liệu, tang vật đó và phải báo cáo ngay thủ trưởng cơ quan thuế hoặc trưởng đoàn thanh tra thuế để ra quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật.

b. Được quyền tạm giữ tài liệu, tang vật đó và không cần báo cáo thủ trưởng cơ quan thuế hoặc trưởng đoàn thanh tra thuế để ra quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật.

c. Không được quyền tạm giữ tài liệu, tang vật đó và phải báo cáo ngay thủ trưởng cơ quan thuế hoặc trưởng đoàn thanh tra thuế để ra quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật.

Câu 7. Anh (Chị) cho biết thời hạn chậm nhất để thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo Quyết định kiểm tra thuế kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra thuế:

- a. 3 ngày làm việc.
- b. 5 ngày làm việc.
- c. 7 ngày làm việc.
- d. 10 ngày làm việc.

Câu 8. Thủ trưởng cơ quan thuế ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định kiểm tra thuế nếu trong thời gian năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định kiểm tra thuế hoặc trước thời điểm tiến hành kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế mà người nộp thuế:

a. Nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt phải nộp theo tính toán của cơ quan thuế hoặc chứng minh được với cơ quan thuế số thuế đã khai là đúng.

b. Nộp hồ sơ khai bổ sung cho cơ quan thuế và nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt theo hồ sơ khai bổ sung vào NSNN.

c. Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế bãi bỏ Quyết định kiểm tra thuế và các hồ sơ tài liệu kèm theo.

Câu 9. Trường hợp kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế dẫn đến *phải xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính* thì Thủ trưởng cơ quan thuế:

- a. Ban hành Kết luận kiểm tra.
- b. Ban hành Quyết định xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính.
- c. Ban hành Kết luận kiểm tra, Quyết định xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính.

Câu 10. Khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, trong trường hợp cần thiết việc quyết định gia hạn kiểm tra thuế do:

- a. Trưởng đoàn kiểm tra thuế quyết định

b. Thành viên đoàn kiểm tra đề xuất, Trưởng đoàn kiểm tra thuế quyết định.

c. Trưởng đoàn kiểm tra phải báo cáo lãnh đạo bộ phận kiểm tra để trình người ban hành Quyết định kiểm tra gia hạn kiểm tra

Câu 11. Khi bắt đầu tiến hành kiểm tra thuế, trưởng đoàn kiểm tra thuế có trách nhiệm:

a. Công bố Quyết định kiểm tra thuế, giải thích nội dung Quyết định kiểm tra cho đối tượng kiểm tra.

b. Công bố Quyết định kiểm tra thuế, lập Biên bản công bố Quyết định kiểm tra thuế và giải thích nội dung Quyết định kiểm tra cho đối tượng kiểm tra.

c. Không cần công bố Quyết định kiểm tra thuế.

Câu 12. Anh (Chị) cho biết thời hạn kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày công bố bắt đầu tiến hành kiểm tra:

a. 3 ngày làm việc thực tế.

b. 5 ngày làm việc thực tế.

c. 7 ngày làm việc thực tế.

d. 10 ngày làm việc thực tế.

Câu 13: Trong quá trình kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, người nộp thuế có quyền:

a. Từ chối cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

b. Không chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

c. Bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra thuế.

d. Không ký biên bản kiểm tra thuế.

Câu 14: Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng thanh tra trong kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra các cấp thì việc thực hiện kế hoạch thanh tra sẽ được thực hiện theo thứ tự:

a. (1) Cơ quan thuế cấp trên – (2) Cơ quan thuế cấp dưới – (3) Cơ quan thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước.

b. (1) Cơ quan thuế cấp dưới – (2) Cơ quan thuế cấp trên – (3) Cơ quan thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước.

c. (1) Cơ quan thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước – (2) Cơ quan thuế cấp dưới – (3) Cơ quan thuế cấp trên.

d. (1) Cơ quan thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước – (2) Cơ quan thuế cấp trên – (3) Cơ quan thuế cấp dưới.

Câu 15: Qua kiểm tra, đối chiếu, so sánh, phân tích xét thấy có nội dung khai trong hồ sơ khai thuế của người nộp thuế chưa đúng, số liệu khai không chính xác hoặc có những nội dung cần xác minh liên quan đến số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn thì cơ quan thuế:

- a. Thông báo bằng văn bản đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu.
- b. Ban hành quyết định ấn định thuế.
- c. Ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra thuế.

III. KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ: BỘ CÂU HỎI 2

Câu 1. Các trường hợp nào sau đây được Cơ quan thuế tiến hành thanh tra thuế:

- a. Đối với doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng.
- b. Khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế.
- c. Để giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- d. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 2. Quyết định kiểm tra thuế phải được gửi cho Người nộp thuế trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày ký.

- a. 03 ngày
- b. 05 ngày
- c. 10 ngày.

Câu 3: Có bao nhiêu nguyên tắc kiểm tra thuế, thanh tra thuế:

- a. 3 nguyên tắc
- b. 5 nguyên tắc
- c. 7 nguyên tắc

Câu 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên đoàn thanh tra thuế:

- a. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn thanh tra thuế.
- b. Kiến nghị xử lý những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra thuế.
- c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với trưởng đoàn thanh tra thuế.
- d. Cả 3 nội dung nêu trên

Câu 5: Cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định bãi bỏ quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế trong trường hợp nào

- a. Người nộp thuế có đơn đề nghị hoãn thời gian kiểm tra.

b. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định kiểm tra thuế mà người nộp thuế chứng minh được số thuế đã khai là đúng hoặc nộp đủ số tiền thuế phải nộp.

Câu 6: Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trực tiếp ấn định số tiền thuế phải nộp hoặc ra quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế trong trường hợp nào sau đây:

- a. Người nộp thuế không nộp đủ số thuế phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.
- b. Trường hợp hết thời hạn theo thông báo của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu hoặc không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế không đúng.

Câu 7: Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, thời hiệu xử phạt là mấy năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện:

- a. 01 năm
- b. 02 năm
- c. 03 năm

Câu 8. Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế có bị xử phạt hay không?

- a. Có
- b. Không

Câu 9: Công chức quản lý thuế thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc xử lý sai quy định của pháp luật thuế thì bị xử lý:

- a. Cảnh cáo
- b. Buộc thôi việc.
- c. Truy cứu trách nhiệm hình sự
- d. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại cho người nộp thuế thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu 10: Có bao nhiêu hình thức kiểm tra thuế:

- a. Kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế
- b. Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế
- c. Kiểm tra thuế được thực hiện dưới cả hai hình thức nêu trên

Câu 11: Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế cung cấp thông tin bằng hình thức nào

- a. Bảng văn bản
- b. Trả lời trực tiếp
- c. Cả 2 hình thức nêu trên

IV. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Câu 1: Khi xác định mức phạt tiền đối với người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì:

- a. Áp dụng mức phạt tiền đối với trường hợp có tình tiết tăng nặng.
- b. Áp dụng mức phạt tiền đối với trường hợp có tình tiết giảm nhẹ.
- c. Xem xét giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ theo nguyên tắc trên thì áp dụng mức phạt tương ứng.
- d. Bù trừ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và áp dụng như đối với trường hợp không có tình tiết tăng nặng, không có tình tiết giảm nhẹ.

Câu 2: Trường hợp nào sau đây không áp dụng mức xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế phải nộp, hoặc tăng số thuế được hoàn, được miễn giảm:

- a. Hành vi khai sai nhưng NNT đã ghi chép kịp thời, đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ.
- b. Hành vi khai sai và NNT chưa điều chỉnh, ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ kê khai thuế, nhưng bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, người vi phạm đã nộp đủ số tiền thuế khai thiếu vào NSNN sau khi cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế và ban hành Quyết định xử lý.
- c. Sử dụng hoá đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào nhưng khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh được lỗi vi phạm sử dụng hóa đơn bất hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định.
- d. Hành vi khai sai và bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là có hành vi khai man, trốn thuế, nhưng nếu NNT vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế vào NSNN trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định xử lý.

Câu 3: Trường hợp NNT nộp thiếu tiền thuế do khai sai số thuế phải nộp của kỳ kê khai trước, nhưng NNT đã tự phát hiện ra sai sót và tự giác nộp đủ số tiền thuế thiếu vào NSNN trước thời điểm nhận được Quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì sẽ bị xử phạt:

- a. Xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế.
- b. Xử phạt hành vi chậm nộp tiền thuế.
- c. Xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế.

d. Xử phạt hành chính đối với hành vi trốn thuế.

Câu 4: Hình thức phạt cảnh cáo được quyết định bằng văn bản và áp dụng đối với:

- a. Vi phạm lần đầu đối với các vi phạm về thủ tục thuế nghiêm trọng.
- b. Vi phạm lần thứ hai với các vi phạm về thủ tục thuế ít nghiêm trọng.
- c. Vi phạm về thủ tục thuế do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện.
- d. Vi phạm về thủ tục thuế do người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện.

Câu 5: Hình thức phạt tiền nào sau đây là không đúng với quy định của pháp luật:

- a. Đối với các hành vi vi phạm thủ tục thuế: mức phạt tối đa không quá 100 triệu đồng.
- b. Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế, tiền phạt: phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.
- c. Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn: phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế thiếu.
- d. Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế, tiền phạt: phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.

Câu 6: Nhóm hành vi vi phạm pháp luật về thuế nào không có hình thức phạt cảnh cáo:

- a. Hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin so với thời hạn quy định.
- b. Hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế.
- c. Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định.
- d. Hành vi vi phạm quy định về chấp hành Quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế, vi phạm chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hóa vận chuyển trên đường.

Câu 7: Số ngày chậm nộp tiền thuế được xác định:

- a. Gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo thuế hoặc trong quyết định xử lý của cơ quan thuế, đến

ngày người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế chậm nộp ghi trên chứng từ nộp tiền vào NSNN.

b. Không bao gồm ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo thuế hoặc trong quyết định xử lý của cơ quan thuế, đến ngày người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế chậm nộp ghi trên chứng từ nộp tiền vào NSNN.

c. Gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo thuế hoặc trong quyết định xử lý của cơ quan thuế, đến ngày người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế chậm nộp ghi trên chứng từ nộp tiền vào NSNN.

d. Không bao gồm ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo thuế hoặc trong quyết định xử lý của cơ quan thuế, đến ngày người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế chậm nộp ghi trên chứng từ nộp tiền vào NSNN.

Câu 8: Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, thời hiệu xử phạt là mấy năm kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện:

- a. 02 năm.
- b. 03 năm.
- c. 04 năm.
- d. 05 năm.

Câu 9: Trường hợp một hành vi vi phạm pháp luật về thuế đã được người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt nhưng hành vi vi phạm đó vẫn tiếp tục được thực hiện mặc dù đã bị người có thẩm quyền xử phạt ra lệnh đình chỉ thì:

- a. Lập biên bản, ra quyết định xử phạt lần thứ hai đối với hành vi đó.
- b. Áp dụng biện pháp tăng nặng đối với hành vi đó.
- c. Lập biên bản, ra quyết định xử phạt lần thứ hai đồng thời.
- d. Tiếp tục ra lệnh đình chỉ yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đó.

Câu 10: Hành vi vi phạm pháp luật về thuế nào sau đây không áp dụng khung phạt tiền từ 200.000đồng đến 2.000.000 đồng:

a. Nộp hồ sơ đăng ký thuế hoặc thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ trên 20 ngày trở lên.

b. Lập hồ sơ khai thuế ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên hoá đơn, hợp đồng kinh tế và chứng từ khác liên quan đến nghĩa vụ thuế.

c. Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 10 đến 20 ngày.

d. Cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan thuế yêu cầu.

Câu 11: Trong nhóm các hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế sau đây, hành vi vi phạm nào không áp dụng khung phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng:

a. Cung cấp sai lệch về thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế quá thời hạn theo yêu cầu của cơ quan thuế.

b. Cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế trong thời hạn kê khai thuế; số hiệu tài khoản, số dư tài khoản tiền gửi cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

c. Không cung cấp đầy đủ, đúng các chỉ tiêu, số liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế phải đăng ký theo chế độ quy định, bị phát hiện nhưng không làm giảm nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

d. Cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan thuế yêu cầu.

Câu 12: Khung phạt tiền từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng được áp dụng đối với hành vi nào sau đây:

a. Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 05 đến 10 ngày.

b. Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 10 đến 20 ngày.

c. Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 30 đến 40 ngày.

d. Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định trên 90 ngày nhưng không phát sinh số thuế phải nộp.

Câu 13: Trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tạm tính theo quý quá 90 ngày so với thời hạn quy định, nhưng vẫn trong thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thì cơ quan thuế:

a. Xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b. Xử phạt đối với hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định.

- c. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế.
- d. Xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền thuế.

Câu 14: Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán đang trong thời gian xin tạm ngừng kinh doanh nhưng thực tế vẫn kinh doanh (vi phạm lần đầu) thì áp dụng mức xử phạt nào sau đây:

- a. Phạt tiền 1 lần tính trên số thuế trốn, số tiền gian lận đối với người nộp thuế.
- b. Phạt tiền 2 lần tính trên số thuế trốn, số thuế gian lận đối với người nộp thuế.
- c. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- d. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Câu 15: Chi cục trưởng Chi cục Thuế, trong phạm vi địa bàn quản lý của mình, đối với hành vi không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, có quyền:

- a. Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.
- b. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng.
- c. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.
- d. Không giới hạn mức phạt tiền.

Câu 16: NNT có hành vi trốn thuế, gian lận thuế được xác định là vi phạm lần đầu, có tình tiết tăng nặng thì ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận thì còn bị xử phạt theo số lần tính trên số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận là:

- a. Phạt tiền 01 lần.
- b. Phạt tiền 1.5 lần.
- c. Phạt tiền 02 lần.
- d. Phạt tiền 2.5 lần.

Câu 17: Trường hợp nào sau đây không bị xử phạt vi phạm pháp luật thuế:

- a. Ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển từ tài khoản của NNT vào tài khoản của NSNN đối với số tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế phải nộp của NNT theo yêu cầu của cơ quan thuế trong trường hợp tại thời điểm đó, tài khoản tiền gửi của người nộp thuế không còn số dư.

b. Tổ chức, cá nhân liên quan có hành vi thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, gian lận thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính thuế.

c. Cơ quan Kho bạc Nhà nước không thực hiện trích chuyển số tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước theo yêu cầu của cơ quan thuế.

d. Tổ chức tín dụng không thực hiện trách nhiệm trích chuyển từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của NSNN đối với số tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế phải nộp của NNT theo yêu cầu của cơ quan thuế trong trường hợp tại thời điểm đó, tài khoản tiền gửi của người nộp thuế có số dư đủ.

Câu 18: Trường hợp NNT cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ pháp lý liên quan đến đăng ký thuế theo thông báo của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày làm việc trở lên thì bị xử phạt:

- a. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- b. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- c. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 150.000 đồng đến 1.500.000 đồng.
- d. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Câu 19: Trường hợp NNT cung cấp thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo thông báo của cơ quan thuế quá thời hạn quy định bao nhiêu ngày làm việc thì áp dụng mức xử phạt từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

- a. Từ 05 đến 10 ngày làm việc.
- b. 03 ngày làm việc.
- c. 05 ngày làm việc.
- d. Trên 10 đến 20 ngày làm việc.

Câu 20: Khung phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng để xử phạt đối với trường hợp cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, Kho bạc Nhà nước trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan thuế yêu cầu:

- a. 02 ngày làm việc.
- b. 03 ngày làm việc.
- c. 04 ngày làm việc.
- d. 05 ngày làm việc.

Câu 21: Hành vi từ chối, trì hoãn, trốn tránh việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế quá thời hạn bao nhiêu giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế thì áp dụng phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng:

- a. 06 giờ làm việc.
- b. 12 giờ làm việc.
- c. 24 giờ làm việc.
- d. Từ trên 12 giờ đến 24 giờ làm việc.

Câu 22. Hành vi nào sau đây không phải hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với người nộp thuế:

- a. Nộp hồ sơ khai thuế có lỗi số học trong hồ sơ.
- b. Chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định.
- c. Chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin so với thời hạn quy định.
- d. Khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế.

Câu 23: Người nộp thuế bị phạt cảnh cáo hoặc bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn qui định:

- a. Từ 01 đến 05 ngày.
- b. Từ 05 đến 10 ngày.
- c. Từ 10 đến 15 ngày.
- d. Từ 10 đến 20 ngày.

Câu 24: Cục trưởng Cục Thuế, trong phạm vi địa bàn quản lý của mình, đối với hành vi vi phạm các thủ tục thuế của người nộp thuế, có quyền:

- a. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng.
- b. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.
- c. Phạt tiền đến 150.000.000 đồng.
- d. Phạt tiền đến 200.000.000 đồng.

Câu 25: Nhân viên thuế đang thi hành công vụ, đối với hành vi vi phạm các thủ tục về thuế của người nộp thuế có quyền:

- a. Phạt tiền đến 100.000 đồng.

- b. Phạt tiền đến 200.000 đồng.
- c. Phạt tiền đến 300.000 đồng.
- d. Phạt tiền đến 500.000 đồng.

Câu 26: NNT bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn qui định:

- a. Từ 30 đến 40 ngày.
- b. Từ 20 đến 30 ngày.
- c. Từ 10 đến 20 ngày.
- d. Từ trên 30 đến 40 ngày.

Câu 27: Người nộp thuế bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ khai thuế ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên:

- a. Hoá đơn, hợp đồng kinh tế.
- b. Bảng kê hoá đơn, hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra.
- c. Tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế.

Câu 28: Người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế thì:

- a. Bị xử phạt về hành vi trốn thuế theo quy định.
- b. Bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- c. Không bị xử phạt về hành vi trốn thuế theo quy định mà bị xử phạt vi phạm về hành vi khai thuế quá thời hạn qui định.
- d. Không bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Câu 29: Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, người nộp thuế bị phạt nộp chậm với mức xử phạt là bao nhiêu phần trăm (%) mỗi ngày tính trên số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp?

- a. 0,05%.
- b. 0,1%.
- c. 0,15%.
- d. 0,2%.

Câu 30: Hình thức xử phạt nào sau đây không phải là hình thức xử phạt vi phạm pháp luật về thuế:

- a. Phạt cảnh cáo.
- b. Phạt tiền.

c. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

d. Thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép hành nghề.

V. CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH THUẾ: BỘ CÂU HỎI 1

Câu 1: Trường hợp nào sau đây không bị cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế:

- a. Người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền phạt.
- b. KBNN không thực hiện việc trích tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế vào NSNN theo quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế của cơ quan thuế.
- c. Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác, người bảo lãnh nộp tiền thuế không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.
- d. Người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuế, tiền phạt thay cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế không nộp tiền thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước.

Câu 2: Người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt bị cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế trong trường hợp:

- a. Quá 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nộp tiền phạt.
- b. Có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.
- c. Hết thời hạn nộp tiền thuế.

Câu 3: Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế không phải gửi cho đối tượng nào sau đây:

- a. Đối tượng bị cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế.
- b. Cơ quan quản lý thuế cấp trên trực tiếp.
- c. Chi cục Quản lý thị trường.

Câu 4: Cá nhân, tổ chức không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt, Quyết định khắc phục hậu quả hoặc không thanh toán chi phí cưỡng chế bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi khi:

- a. Có tiền gửi tại Kho bạc nhà nước, tại ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác ở Việt Nam.
- b. Có tiền gửi tại ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

- c. Có tiền gửi tại Kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.
- d. Không có tài khoản tiền gửi.

Câu 5: Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế phải được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế và tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn bao lâu trước khi thực hiện cưỡng chế:

- a. 30 ngày làm việc.
- b. 15 ngày làm việc.
- c. 7 ngày làm việc.
- d. 5 ngày làm việc.

Câu 6: Những người nào sau đây không có thẩm quyền quyết định việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế?

- a. Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp.
- b. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp tỉnh.
- c. Thủ trưởng Kho bạc nhà nước.

Câu 7: Biện pháp nào sau đây không phải là biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế:

- a. Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.
- b. Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ.
- c. Phạt tiền đối với từng hành vi vi phạm pháp luật về thuế.
- d. Thu hồi mã số thuế, đình chỉ việc sử dụng hoá đơn.

Câu 8: Trình tự áp dụng các thủ tục cưỡng chế đối với biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế:

- a. Ban hành Quyết định cưỡng chế, Gửi Quyết định cưỡng chế, Xác định tỷ lệ khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân.
- b. Xác minh thông tin về tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, Ban hành Quyết định cưỡng chế, Gửi Quyết định cưỡng chế, Thu tiền khấu trừ từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế.
- c. Ban hành Quyết định cưỡng chế, Gửi Quyết định cưỡng chế, Xác minh thông tin về tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, Thu tiền khấu trừ từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế.

Câu 9: Đối với biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập, tỷ lệ khấu trừ đối với cá nhân được quy định:

- a. Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức không thấp hơn 20% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó.
- b. Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức không thấp hơn 10% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó.
- c. Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức không thấp hơn 10% và không quá 50% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó.

Câu 10: Biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên được áp dụng đối với:

- a. Cá nhân là lao động tự do không có cơ quan, tổ chức quản lý lương, thu nhập cố định.
- b. Cá nhân bị cưỡng chế đang được hưởng trợ cấp hưu trí hoặc mất sức hàng tháng.
- c. Cá nhân đang trong thời gian chữa bệnh.

V. CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH THUẾ: BỘ CÂU HỎI 2

Câu 1: NNT sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu nợ tiền thuế, tiền phạt khi:

- a. Nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế đã quá chín mươi ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nộp tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế theo qui định.
- b. Nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế khi đã hết thời hạn gia hạn nộp thuế.
- c. Nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.
- d. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 2: Quyết định hành chính thuế bị cưỡng chế thi hành bao gồm:

- a. Thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt; Thông báo ấn định thuế;

- b. Quyết định xử phạt hành chính về thuế;
- c. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuế; Quyết định về bồi thường thiệt hại; Quyết định hành chính thuế khác theo quy định của pháp luật.
- d. Cả 3 phương án trên.

Câu 3. Việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế chỉ được thực hiện khi nào?

- a. Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế đã quá 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nộp tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định;
- b. Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế khi đã hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế;
- c. Người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.
- d. Khi có Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Câu 4. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế chấm dứt hiệu lực khi nào?

- a. Khi người nộp thuế cam kết sẽ nộp thuế.
- b. Khi có bảo lãnh của Ngân hàng, tổ chức tín dụng.
- c. Khi tiền thuế, tiền phạt đã được nộp đủ vào ngân sách nhà nước.
- d. Cả 3 phương án trên.

Câu 5. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bao gồm các nội dung nào dưới đây?

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ đơn vị người ra quyết định; Họ tên, nơi cư trú, trụ sở của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;
- b) Lý do cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Thời gian, địa điểm thực hiện; Cơ quan chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;
- c) Cơ quan có trách nhiệm phối hợp; Chữ ký của người ra quyết định; Dấu của cơ quan ra quyết định.
- d) Cả 3 phương án trên.

Câu 6. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế phải được gửi đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế trong thời hạn nào?

- a. 5 ngày làm việc;
- b. 5 ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế.
- c. 5 ngày kể cả ngày lễ, ngày nghỉ;
- d. 5 ngày làm việc sau khi ban hành Quyết định cưỡng chế.

Câu 7: Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế có hiệu lực trong thời hạn nào dưới đây?

- a. Trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày ra quyết định
- b. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định.
- c. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gửi quyết định.
- d. Trong thời hạn 100 ngày.

Câu 8: Biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế áp dụng đối với đối tượng có tiền gửi tại tổ chức nào dưới đây?

- a. Có tiền gửi tại ngân hàng thương mại.
- b. Có tiền gửi tại ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác.
- c. Có tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác.
- d. Có tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước.

Câu 9: Khi nhận được quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác phải làm những công việc gì dưới đây?

- a. Trích số tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế và chuyển sang tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước.
- b. Trích số tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế và chuyển sang tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế biết.
- c. Trích số tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế và chuyển sang tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước, đồng thời thông báo bằng văn bản cho đối tượng bị cưỡng chế biết.
- d. Trích số tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế và chuyển sang tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước, đồng thời thông báo

bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và đối tượng bị cưỡng chế biết.

Câu 10. Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập áp dụng đối với đối tượng bị cưỡng chế nào dưới đây?

- a. Đối tượng bị cưỡng chế là doanh nghiệp.
- b. Đối tượng bị cưỡng chế là cá nhân đang làm việc theo biên chế hoặc hợp đồng từ sáu tháng trở lên hoặc đang được hưởng trợ cấp hưu trí, mất sức.
- c. Đối tượng bị cưỡng chế là tổ chức.
- d. Đối tượng bị cưỡng chế là cơ quan chi trả tiền lương và thu nhập.

Câu 11. Khi nhận được quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức hàng tháng, thu nhập khác của đối tượng bị cưỡng chế để nộp vào NSNN theo mức nào dưới đây:

- a. Khấu trừ toàn bộ số tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức và những khoản thu nhập khác của đối tượng bị cưỡng chế.
- b. Khấu trừ một phần tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức và những khoản thu nhập khác của đối tượng bị cưỡng chế theo tỷ lệ không thấp hơn 10% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng và những khoản thu nhập khác của đối tượng bị cưỡng chế.
- c. Khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức đối với cá nhân không thấp hơn 10% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó; đối với những khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế, nhưng không quá 50% tổng số thu nhập.
- d. Khấu trừ tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức đối với cá nhân không thấp hơn 10% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp của cá nhân đó; đối với những khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế, nhưng không quá 50% tổng số thu nhập.

Câu 12. Tổng số tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức của đối tượng bị cưỡng chế làm căn cứ khấu trừ để nộp vào NSNN là số nào dưới đây:

- a. Toàn bộ các khoản tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức và các khoản thu nhập khác phát sinh trong tháng.
- b. Toàn bộ các khoản tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức và các khoản thu nhập khác phát sinh trong 6 tháng.
- c. Toàn bộ các khoản tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức và các khoản thu nhập khác phát sinh trong năm.
- d. Toàn bộ các khoản tiền lương, trợ cấp hưu trí hoặc mất sức và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quý.

Câu 13. Khi nào thì cơ quan thuế được quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản?

- a. Đối tượng bị cưỡng chế nợ thuế có tài sản đủ để thanh toán nợ thuế.
- b. Đối tượng bị cưỡng chế yêu cầu được áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản.
- c. Cơ quan Thuế không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập hoặc đã áp dụng nhưng vẫn chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt.
- d. Cơ quan Thuế không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.

Câu 14. Những tài sản nào dưới đây không được kê biên để thực hiện biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên?

- a) Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và gia đình họ;
- b) Công cụ lao động; Nhà ở, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và gia đình họ; đồ dùng thờ cúng; di vật, huân chương, huy chương, bằng khen;
- c) Tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh.
- d) Cả 3 phương án trên.

Câu 15. Trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày kê biên tài sản, đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế không nộp đủ tiền thuế nợ, tiền phạt thì cơ quan quản lý thuế được quyền bán đấu giá tài sản kê biên để thu đủ tiền thuế nợ, tiền phạt?

- a. Trong thời hạn 15 ngày.
- b. Trong thời hạn 30 ngày.
- c. Trong thời hạn 45 ngày.
- d. Trong thời hạn 60 ngày.

Câu 16. Để áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ thì phải có điều kiện nào dưới đây?

- a. Cơ quan quản lý thuế có căn cứ xác định bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế.
- b. Cơ quan quản lý thuế không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, biện pháp khấu trừ

một phần tiền lương hoặc thu nhập, biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

- c. Cơ quan quản lý thuế không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập, biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên hoặc đã áp dụng nhưng vẫn chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt.
- d. Cơ quan quản lý thuế có căn cứ xác định bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế và cơ quan quản lý thuế không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập, biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên hoặc đã áp dụng nhưng vẫn chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt.

Câu 17. Thời hạn để tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế thực hiện nộp thay số tiền thuế bị cưỡng chế kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý thuế là bao nhiêu ngày?

- a. 05 ngày
- b. 03 ngày
- c. 10 ngày
- d. 15 ngày

Câu 18. Khi nào thì tổ chức, cá nhân đang có khoản nợ phải trả cho đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm nộp tiền thuế nợ, tiền phạt thay cho đối tượng bị cưỡng chế?

- a. Khi có khoản nợ phải trả cho đối tượng bị cưỡng chế.
- b. Khi có khoản nợ chưa đến hạn phải trả cho đối tượng bị cưỡng chế.
- c. Khi có khoản nợ đến hạn phải trả cho đối tượng bị cưỡng chế.
- d. Khi đối tượng bị cưỡng chế đồng ý thanh toán tiền nợ thuế.

Câu 19. Khi thực hiện biện pháp thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn, cơ quan Thuế phải thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế biết trong thời gian nào?

- a. Trong thời hạn 5 ngày.
- b. Trong thời hạn 3 ngày làm việc.
- c. Trong thời hạn 10 ngày.
- d. Trong thời hạn 5 ngày làm việc.

Câu 20. Khi thực hiện biện pháp cưỡng chế nào dưới đây, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng?

- a. Biện pháp thu hồi mã số thuế.

- b. Biện pháp đình chỉ sử dụng hóa đơn.
- c. Biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.
- d. Cả 3 biện pháp trên.

CÂU HỎI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Câu 1. Thời hiệu khiếu nại là bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính (ngoại trừ trường hợp vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại)?

- a. 30 ngày.
- b. 60 ngày.
- c. 90 ngày.

Câu 2. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình mà không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do?.

- a. 10 ngày.
- b. 15 ngày.
- c. 20 ngày.

Câu 3. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý (trừ vụ việc phức tạp)?

- a. 20 ngày.
- b. 30 ngày.
- c. 40 ngày.

Câu 4. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu đối với vụ việc phức tạp không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý?

- a. 40 ngày.
- b. 45 ngày.
- c. 50 ngày.

Câu 5. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn (trừ vụ việc phức tạp)?

- a. 30 ngày.
- b. 40 ngày.

c. 45 ngày.

Câu 6. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn?

- a. 50 ngày.
- b. 60 ngày.
- c. 70 ngày.

Câu 7. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai (trừ vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn)?

- a. 30 ngày.
- b. 40 ngày.
- c. 45 ngày.

Câu 8. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai (đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn)?

- a. 40 ngày.
- b. 45 ngày.
- c. 50 ngày.

Câu 9. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết; trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do?

- a. 10 ngày.
- b. 15 ngày.
- c. 20 ngày.

Câu 10. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý (trừ vụ việc phức tạp)?

- a. 40 ngày.
- b. 45 ngày.
- c. 50 ngày.

Câu 11. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý (đối với vụ việc phức tạp)?

- a. 50 ngày.
- b. 55 ngày.
- c. 60 ngày.

Câu 12. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý (trừ vụ việc phức tạp)?

- a. 60 ngày.
- b. 65 ngày.
- c. 70 ngày.

Câu 13. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý (đối với vụ việc phức tạp)?

- a. 60 ngày.
- b. 70 ngày.
- c. 80 ngày.

Câu 14. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải quyết định thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo (trường hợp không phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ người tố cáo tại nhiều địa điểm)?

- a. 05 ngày.
- b. 10 ngày.
- c. 15 ngày.

Câu 15. Trong thời hạn không quá bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải quyết định thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo (trường hợp phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ người tố cáo tại nhiều địa điểm)?

- a. 10 ngày.
- b. 15 ngày.
- c. 20 ngày.

Câu 16. Thời hạn giải quyết tố cáo là bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo (trừ vụ việc phức tạp)?

- a. 50 ngày.
- b. 60 ngày.
- c. 70 ngày.

Câu 17. Thời hạn giải quyết tố cáo là bao nhiêu ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo (đối với vụ việc phức tạp)?

- a. 70 ngày.

- b. 80 ngày.
- c. 90 ngày.

Câu 18. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn thời hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá bao nhiêu ngày (trừ vụ việc phức tạp)?

- a. 30 ngày.
- b. 35 ngày.
- c. 40 ngày.

Câu 19. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn thời hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá bao nhiêu ngày (đối với vụ việc phức tạp)?

- a. 50 ngày.
- b. 60 ngày.
- c. 70 ngày.

Câu 20. Cục Thuế nhận được đơn tố cáo công chức thuế (công chức thuộc quyền quản lý của Cục), nhưng đơn tố cáo không có họ, tên, địa chỉ của người tố cáo. Như vậy, khi nhận đơn Cục Thuế có bắt buộc phải thụ lý giải quyết tố cáo không?

- a. Phải thụ lý giải quyết.
- b. Không bắt buộc phải thụ lý giải quyết.

Câu 21: Thẩm quyền giải quyết các khiếu nại mà Cục trưởng Cục Thuế đã giải quyết nhưng còn khiếu nại là:

- a. Bộ Trưởng Bộ Tài chính.
- b. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.
- c. Cục trưởng cục thuế.
- d. Chi cục trưởng Chi cục Thuế.

Câu 22: Thời hạn người giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp không được thụ lý để giải quyết theo qui định của Luật Khiếu nại là:

- a. 3 ngày.
- b. 5 ngày.
- c. 7 ngày.
- d. 10 ngày.

Câu 23: Trong điều kiện bình thường, thời hạn giải quyết khiếu nại là:

- a. Lần đầu không quá 30 ngày, lần thứ 2 không quá 45 ngày.
- b. Lần đầu không quá 45 ngày, lần thứ 2 không quá 60 ngày.
- c. Lần đầu không quá 60 ngày, lần thứ 2 không quá 70 ngày.

Câu 24: Thời hạn giải quyết tố cáo kể từ ngày thụ lý để giải quyết:

- a. Không quá 30 ngày.
- b. Không quá 45 ngày.
- c. Không quá 60 ngày.

Câu 25: Người đứng đầu bộ phận làm nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp Chi cục thuế có trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân:

- a. Mỗi tuần ít nhất 2 ngày.
- b. Mỗi tuần ít nhất 3 ngày.
- c. Mỗi tuần ít nhất 4 ngày.